

BÀI GIẢNG: CHINH PHỤC TÍNH TỪ ĐUÔI -ED VÀ -ING

Chào bạn, trong quá trình học tiếng Anh, việc nhầm lẫn giữa tính từ tận cùng bằng **-ED** và **-ING** là vô cùng phổ biến. Bài giảng này sẽ giúp bạn thấu hiểu bản chất cốt lõi để làm chủ hoàn toàn các dạng bài tập cũng như nâng cao kỹ năng dịch thuật.

1. Bản chất cốt lõi (Cực kỳ quan trọng)

Sự khác biệt không nằm ở việc dùng cho "người" hay "vật", mà nằm ở **hướng của tác động**:

Tính từ đuôi **-ING** (Active - Chủ động):

- Dùng để mô tả tính chất, bản chất của một sự vật, sự việc hoặc con người.
- Mẹo nhớ:* Nó là "**nguyên nhân**" gây ra cảm giác.
- Ví dụ:* The film is boring. (Bộ phim mang tính chất tẻ nhạt, gây chán).

Tính từ đuôi **-ED** (Passive - Bị động):

- Dùng để mô tả cảm xúc, trạng thái của một đối tượng (thường là con người) khi bị tác động bởi thứ gì đó.
- Mẹo nhớ:* Nó là "**kết quả**" của sự tác động.
- Ví dụ:* I am bored. (Tôi cảm thấy chán - do bộ phim tác động vào tôi).

2. Công thức chuyển đổi nhanh

Từ các ví dụ thực tế, chúng ta có thể đúc kết thành quy luật chuyển đổi cấu trúc câu như sau:

Something is [V-ing] ↔ Somebody feels [V-ed]

Ví dụ minh họa:

- Astronomy is interesting. ↔ Tom is interested in astronomy. (Thiên văn học thú vị ↔ Tom cảm thấy hứng thú với thiên văn học).
- It will be an exciting experience. ↔ She is excited about going. (Đó sẽ là một trải nghiệm hào hứng ↔ Cô ấy cảm thấy hào hứng khi tham gia).

3. Các cặp tính từ phổ biến cần ghi nhớ

Gây ra (Bản chất - ING)	Cảm thấy (Trạng thái - ED)	Ý nghĩa chung
Boring	Bored	Tẻ nhạt / Thấy chán
Exciting	Excited	Thú vị / Hào hứng
Interesting	Interested	Hay / Cảm thấy thú vị
Tiring	Tired	Gây mệt mỏi / Thấy mệt
Surprising	Surprised	Gây ngạc nhiên / Bị bất ngờ
Frightening	Frightened	Đáng sợ / Thấy khiếp sợ
Horrifying	Horrified	Kinh khủng / Thấy kinh hãi
Annoying	Annoyed	

Gây ra (Bản chất - ING)	Cảm thấy (Trạng thái - ED)	Ý nghĩa chung
		Phiền phức / Thấy bức mình

4. Lưu ý chuyên sâu (Dành cho cấp độ khá)

Một danh từ chỉ người hoàn toàn có thể đi với cả **-ING** và **-ED** tùy thuộc vào ngữ cảnh giao tiếp:

- He **is** **bored**. (Anh ấy đang cảm thấy chán nản - nhận tác động từ hoàn cảnh bên ngoài).
- He **is** **boring**. (Anh ấy là một người tẻ nhạt - bản chất anh ấy là nguyên nhân gây chán cho người khác).

"Đừng chỉ học thuộc lòng, hãy thấu hiểu bản chất! -ING là Gây ra, -ED là Nhận lại. Nắm chắc quy luật này, bạn sẽ làm chủ mọi bản dịch!"